

Số: 104 /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày 25 tháng 6 năm 2014

BAO CAO

Về tình hình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công

Thực hiện Công văn số 1963/UBTCNS13, ngày 20/5/2014 của Ủy ban Tài chính – Ngân sách Quốc hội về việc báo cáo số liệu về nợ công;

Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo số liệu cụ thể và đánh giá về các nội dung liên quan về tình hình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay, trả nợ và quản lý nợ công; cụ thể như sau:

1. Đánh giá hệ thống văn bản pháp quy hiện hành quy định về quản lý nợ công:

Căn cứ Luật NSNN, các Văn bản hướng dẫn thực hiện Luật NSNN;

Căn cứ Nghị định số 79/2010/NĐ-CP ngày 14/7/2010 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Trên cơ sở Văn bản pháp quy hiện hành về quản lý nợ công trong thời gian qua đã có sự đồng bộ, thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương thực hiện các quy trình, thủ tục vay, theo dõi, quản lý nguồn vốn vay và trả nợ;

Chính phủ quy định thống nhất quản lý toàn diện nợ công thông qua các công cụ làm căn cứ để xây dựng và trình Quốc hội các chỉ tiêu an toàn về nợ, quyết định mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công theo từng giai đoạn;

Đối với địa phương, căn cứ vào quy định của Luật NSNN, khả năng trả nợ của ngân sách cấp tỉnh; tiến độ thực hiện và nhu cầu vốn của các dự án sử dụng vốn vay, để UBND tỉnh xây dựng kế hoạch vay, trả nợ chi tiết hàng năm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện vay, trả nợ chính quyền địa phương theo hạn mức vay được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Bộ Tài chính quyết định cho vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, để đầu tư kiên cố hoá kênh mương và giao thông nông thôn; quyết định cho ứng tồn ngân KBNN; trong đó quy định cụ thể nguồn thu vay được đưa vào cân đối ngân sách thì ngân sách cấp tỉnh phải bố trí nguồn vốn trả nợ đến hạn; nguồn vay được sử dụng cho các chương trình, dự án thì sử dụng nguồn thu từ chương trình, dự án để trả nợ.

2. Về tình hình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay, trả nợ và quản lý nợ công:

a) Số liệu nợ chính quyền địa phương; tình hình vay, trả nợ của địa phương, trong đó có số ký kết vay, số vốn vay thực nhận, số trả nợ, số dư nợ, tỷ lệ nợ so với GDP tính đến thời điểm 31/5/2014. Kế hoạch vay, trả nợ chi tiết từng năm của địa

phương trong giai đoạn từ 2011-2014, định hướng đến năm 2020 theo từng nguồn vay:

(Chi tiết theo biểu 01, 02 đính kèm)

b) Tình hình thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn vay (chi tiết theo biểu số 03 đính kèm).

3. Những đề xuất, kiến nghị:

Để nâng cao hiệu quả của việc huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay, trả nợ và giám sát nợ công ở địa phương, tỉnh Đắk Lắk đề xuất, kiến nghị như sau:

Tỉnh Đắk Lắk chủ yếu thực hiện huy động nguồn vốn để đầu tư phát triển tại địa phương qua các kênh huy động vốn như: Tạm ứng vốn tồn ngân Kho bạc Nhà nước (khoản 3, Điều 8 Luật NSNN), để đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm, bức thiết của địa phương; vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn;

Trong những năm qua được sự quan tâm của Bộ Tài chính đã giúp cho địa phương được huy động từ nguồn ứng tồn ngân Kho bạc Nhà nước và vay vốn tín dụng ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam để đầu tư cơ sở hạ tầng; góp phần đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội của tỉnh; tuy nhiên qua thực tế của việc huy động các nguồn vốn trên cho thấy còn một số bất cập như sau:

Đối với việc tạm ứng vốn tồn ngân Kho bạc Nhà nước: Mức huy động vốn theo khoản 3, điều 8 Luật NSNN (không vượt quá 30% vốn đầu tư XDCB trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh) là quá thấp; chưa hợp lý vì chỉ tính trên vốn đầu tư XDCB trong nước hàng năm của ngân sách cấp tỉnh, chưa tính để khả năng trả nợ của từng địa phương; thời gian huy động (thời gian vay – trả) Bộ Tài chính chỉ cho trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn là rất ngắn vì các dự án đầu tư phát huy hiệu quả, hoàn trả vốn sau thời gian được đầu tư từ 2 đến 3 năm; tỷ lệ phí tồn ngân 0,15%/tháng khá cao đối với các tỉnh chưa cân đối được ngân sách; nhất là các tỉnh miền núi, cao nguyên nguồn thu khó khăn... Do đó để hỗ trợ các địa phương huy động được nguồn vốn tạm ứng vốn tồn ngân Kho bạc Nhà nước; đề nghị mức huy động vốn 50% tính trên tổng nguồn vốn đầu tư XDCB toàn tỉnh; thời gian huy động đề nghị từ 18 tháng đến 36 tháng tùy theo từng khoản vốn ứng; tỷ lệ phí tồn ngân đề nghị 0,1%/tháng đối với các tỉnh chưa cân đối được ngân sách; còn nhận trợ cấp từ NSTW.

Trên đây là báo cáo số liệu cụ thể và đánh giá về các nội dung liên quan về tình hình huy động, phân bổ, sử dụng vốn vay, trả nợ và quản lý nợ công của tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Ủy ban Tài chính – Ngân sách tổng hợp theo quy định. *N*

Nơi nhận:

- UB TC-NS Quốc hội (để b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM (18b). *lh*



CHỦ TỊCH

Hoàng Trọng Hải

Biểu số: 01

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

THỰC HIỆN VAY VÀ TRẢ NỢ TRONG NƯỚC CỦA TỈNH ĐẮK LẮK TỪ NĂM 2011-2014

(Kèm theo Báo cáo số: 104 /BC-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số ký vay trong kỳ	Dư nợ đầu kỳ	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ			Dư nợ cuối kỳ đến 31/5/2014	Tỷ lệ dư nợ so với GDP tính đến thời điểm 31/5/2014 (số ước 25.494)
				Gốc	Lãi	Phí		
Năm 2011	300	461	300	245	0	5	516	
- Vay Ngân hàng phát triển Việt Nam	50	161	50	45			166	
- Vay tồn ngân Kho bạc	250	300	250	200		5	350	
Năm 2012	450	516	450	400	0	4.7	566	
- Vay Ngân hàng phát triển	130	166	130	50			246	
- Vay tồn ngân kho bạc	320	350	320	350		4.7	320	
Năm 2013	250	566	212.542	122	0	5.56	656.542	
- Vay Ngân hàng phát triển	250	246	212.542	72			386.542	
- Vay tồn ngân kho bạc		320		50		5.56	270	
Năm 2014	0	656.542	37.458	0	0	4.7	694	2.72%
- Vay Ngân hàng phát triển (Rút tiếp vốn của KH năm 2013 còn lại chưa chuyển)		386.542	37.458				424	
- Vay tồn ngân kho bạc		270				4.7	270	

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH HUY ĐỘNG VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2014-2020**

(Kèm theo Báo cáo số: 104 /BC-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

DVT: Tỷ đồng

Năm	Tổng cộng	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1. KH trả nợ vay của ngân sách tỉnh	694	385	97	86	76	50	0	0
1.1. Vay tồn ngân Kho bạc nhà nước	270	270						
1.2. vay KCHKM	424	115	97	86	76	50		
2. Dự kiến vay trả nợ mới 2014-2020	2,800	200	300	400	450	450	500	500
2.1. Rút vốn vay tồn ngân Kho bạc Nhà nước	2,800	200	300	400	450	450	500	500
- Nghĩa vụ trả nợ	2,665	278	209	312	415	466	467	518
- Gốc	2,570	270	200	300	400	450	450	500
-Trả phí	95	8	9	12	15	16	17	18
2.3. Dự kiến vay KCHKM	3,150	300	350	400	450	500	550	600
- Nghĩa vụ trả nợ	1,974	115	157	216	286	350	400	450

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
TỪ NĂM 2011-2013**

(Kèm theo Báo cáo số: 104 /BC-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	Tổng cộng	2011	2012	2013
1. Vốn vay KCHKM	430.000	50.000	130.000	250.000
- Kiên cố hóa kênh mương	202.419	41.7	62.887	97.832
- Đường giao thông nông thôn	187.681	8.3	60.663	118.718
- Cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản	1.4		1.4	
- Cơ sở làng nghề ở nông thôn	3.45			3.45
- Trạm bơm điện phục vụ tưới tiêu sản xuất nông nghiệp	5.05		5.05	
- Bổ sung mục tiêu cho huyện	30			30
2. Vốn vay tồn ngân Kho bạc Nhà nước	570	250	320	0
- Vay đầu tư các công trình trọng điểm	500	250	250	
- Đầu tư DA xây dựng CSHT trung tâm huyện Cư Kuin	70		70	